TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2022/KDTM-PT
Ngày 20-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa.

Các Thẩm phán thành viên: Ông Nguyễn Minh Tấn,

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng";

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 16/2021/KDTM-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T , tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 22/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty A;

Địa chỉ trụ sở: Phường Lý T, quận K, Thành phố N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1976; chức vụ: Cán bộ phòng xử lý tranh chấp (theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2019).

Địa chỉ liên hệ: Phường Võ S, Quận O, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Công ty B; trụ sở: Khu phố Thạnh H, phường An T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Huỳnh Phú Q, sinh năm 1969;

Hộ khẩu thường trú: Khu vực 6, đường Nguyễn Thái H, Phường Nguyễn V, thành phố Q, tỉnh Bình Định;

Địa chỉ liên lạc: Xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú: Phường H, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Huỳnh Thị Thu T; địa chỉ: Phường Nguyễn V, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan là ông Huỳnh Phú Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty A (viết tắt là A) là ông Nguyễn Đ trình bày*:

Ngày 13/11/2009, Ngân hàng C và Công ty B do bà Lê Thị Thanh T làm Giám đốc ký hợp đồng tín dụng (cho vay theo hạn mức) số 1007LAV200901642, theo đó Công ty B vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng. Sau khi ký hợp đồng hai bên nhiều lần điều chỉnh hạn mức cho vay lên thành số tiền 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) theo 09 biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng C giải ngân cho Công ty B theo các Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104294 ngày 05/10/2011, giải ngân số tiền 800.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104329 ngày 07/10/2011, giải ngân số tiền 144.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104593 ngày 25/10/2011, giải ngân số tiền 800.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201104878 ngày 11/11/2011, giải ngân số tiền 900.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201105084 ngày 25/11/2011, giải ngân số tiền 770.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1007-LDS-201105415 ngày 16/12/2011, giải ngân số tiền 486.000.000 đồng. Tổng cộng Công ty B vay của Ngân hàng C số tiền 3.900.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của bên vay, bà Lê Thị Thanh T và ông Huỳnh Phú Q đã thế chấp các tài sản như sau:

Tài sản thứ nhất: Nhà đất tại số Y Nguyễn Thái H, phường Nguyễn V, thành phố Q, tỉnh Bình Định đứng tên ông Huỳnh Phú Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009; công

chứng tại Phòng Công chứng, Thành phố H; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2009 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tài sản thứ hai: Nhà đất tại số Z phường H, quận (nay là thành phố) Đ, thành phố H; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/09/2010; công chứng tại Phòng Công chứng, Thành phố H; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/09/2010 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Đ, Thành phố H.

Tài sản thứ ba: Nhà đất tại số X, phường H, quận (nay là thành phố) Đ, thành phố H; theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/09/2010; công chứng tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố H.

Thực hiện hợp đồng, Công ty B thanh toán được số tiền 1.000.000.000 đồng (gồm nợ gốc: 950.000.000 đồng, lãi: 50.000.000 đồng); C đã giải chấp, trả lại giấy tờ sở hữu tài sản nhà đất tại số X, phường H, quận (nay là thành phố) Đ, thành phố H cho ông Huỳnh Phú Q.

Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho C như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Từ năm 2012, C đã khởi kiện yêu cầu Công ty B trả tiền gốc + lãi theo hợp đồng tín dụng.

Ngày 21/9/2015, Ngân hàng C bán toàn bộ khoản nợ của Công ty B cho A theo Hợp đồng mua bán nợ số 19321/2015/MBN.A2-C Do đó, A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả cho A tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 04/11/2021 là 7.734.404.778 đồng, trong đó nợ gốc 2.950.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.215.305.611 đồng, lãi quá hạn 1.569.099.167 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong theo hợp đồng đã ký.

Trường hợp Công ty B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì A yêu cầu được phát mãi các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thì Công ty B phải tiếp tục trả nợ cho đến khi hết nợ.

- *Bị đơn Công ty B:* Không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

- *Tại các văn bản ngày 20/4/2019; 20/9/2019; 15/4/2020 và ngày 21/4/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú Q trình bày:*

Ông Q và bà Lê Thị Thanh T không nợ nần gì đối với A và đề nghị trưng cầu giám định toàn bộ các tài liệu, chữ ký, chữ viết mà A kiện, đồng thời đề nghị áp dụng thời hiệu giải quyết.

Ông Huỳnh Phú Q không tham gia tố tụng.

- *Tại văn bản ngày 20/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh T trình bày:* Yêu cầu áp dụng thời hiệu để thụ lý giải quyết vụ kiện.

Bà Lê Thị Thanh T không tham gia tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu T:* không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 16/2021/KDTM-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A (A) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty B.

2. Buộc B thanh toán cho Công ty A số tiền tạm tính đến ngày 04/11/2021 là 7.734.404.778 đồng, trong đó nợ gốc 2.950.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.215.305.611 đồng, lãi quá hạn 1.569.099.167 đồng.

Kể từ ngày 05/11/2021 cho đến khi trả hết số tiền trên, Công ty B còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1007-LAV-200901642 ngày 13/11/2009 và các biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng C và Công ty B cho đến khi Công ty B trả hết nợ cho Công ty A.

Trường hợp Công ty B không thanh toán, thanh toán không đủ số tiền nợ trên thì Công ty A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, gồm:

- Nhà, đất thuộc thửa 100, tờ bản đồ 09 tại địa chỉ số Y Nguyễn Thái H, phường Nguyễn V, thành phố Q, tỉnh Bình Định do Ủy ban nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định cấp cho ông Huỳnh Phú Q, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00740 ngày 18/3/2009 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố H, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2009 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Nhà, đất thuộc tại địa chỉ số Z đường số 38, khu phố 8, phường H, quận (nay là) thành phố Đ, Thành phố H đứng tên ông Huỳnh Phú Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/ EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/09/2010 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố H, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/09/2010 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận Đ, Thành phố H.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty A.

Công ty A có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Thanh T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số … ngày 18/3/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định cấp cho ông Huỳnh Phú Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số …. do Ủy ban nhân dân quận Đ (nay là thành phố Đ), Thành phố H cấp cho ông Huỳnh Phú Q sau khi Công ty B thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 15/11/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú Q kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 16/2021/KDTM-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Phú Q.

Ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt giấy triệu tập nhưng xét xử vắng mặt ông Q, bà Thanh T là vi phạm tố tụng; ông Q, bà Thanh T không vay tiền nguyên đơn, không thừa nhận ký tên vay tiền, thế chấp tài sản, yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Q, bà Thanh T trong các hợp đồng; yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện khi giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử tại phiên tòa. Ông Q, bà Thanh T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q, bà Thanh T là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều văn bản xác minh địa chỉ cư trú của ông Q, bà Thanh T; đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại các địa chỉ của ông Q, bà Thanh T ghi trong hợp đồng là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã khởi kiện vụ án từ năm 2012 nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện vì nguyên đơn là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng C.

Về nội dung: Công ty B ký hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng C từ năm 2010, 2011; năm 2012 đã vi phạm hợp đồng, số tiền gốc còn nợ kể từ ngày vi phạm là 2.950.000.000 đồng. Ông Q, bà Thanh T dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho số tiền vay của Công ty B; do đó, án sơ thẩm buộc Công ty B trả nợ gốc + lãi trong hạn + lãi quá hạn theo hợp đồng, trường hợp không trả hoặc trả không đủ thì phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Công ty B ký Hợp đồng tín dụng số 1007-LAV-200901642 ngày 13/11/2009 và các đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ để vay của C số tiền gốc 3.900.000.000 đồng. Để đảm bảo cho số tiền vay, vợ chồng ông Q và bà Thanh T (bà Thanh T là giám đốc Công ty B) ký hợp đồng thế chấp cho C số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009 về việc thế chấp nhà, đất số Y Nguyễn Thái H, phường Nguyễn V, thành phố Q, tỉnh Bình Định; và Hợp đồng số 52/2010/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/9/2010 về việc thế chấp

nhà, đất tại số Z đường phường H, quận (nay là) thành phố Đ, Thành phố H và nhà, đất tại số X, đường số 26, khu phố 5, phường H, quận (nay là thành phố) Đ, Thành phố H.

Ngoài ra, ông Diệp Cường S và bà Lâm Tú V bảo lãnh cho số tiền vay của Công ty B nên ký Hợp đồng thế chấp là nhà, đất tại Thành phố H.

Các hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Sau khi vay Công ty B chỉ trả được số tiền gốc 950.000.000 đồng và tiền lãi 50.000.000 đồng (thực ra trong số tiền trả nợ, ông S và bà V trả thay cho Công ty B 900.000.000 đồng để được Ngân hàng giải chấp nhà, đất tại số thành phố H; phần này không còn tranh chấp - bút lục số 323).

Công ty B vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng nên C khởi kiện Công ty B từ năm 2012.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khai: phường H, quận (nay là thành phố) Đ, Thành phố H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/09/2010 đã được C giải chấp trả lại giấy tờ nhà đất cho ông Q nên không xác định là tài sản bảo đảm trong yêu cầu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[2.] Công ty B vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng; đến ngày 21/9/2015, C bán toàn bộ khoản nợ của Công ty B cho A theo Hợp đồng mua bán nợ số 19321/2015/MBN.A2-C. Do đó, A là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của C theo quy định tại khoản 4 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự; cá nhân ông Q, bà Thanh T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà Huỳnh Thị Thu T không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản; Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của trong vụ án của bà T là không cần thiết.

[3.] Năm 2012, C đã khởi kiện Công ty B về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng; quá trình tiến hành tố tụng kéo dài qua nhiều lần xét xử (02 bản án sơ thẩm, 01 quyết định sơ thẩm đình chỉ việc giải quyết vụ án, 02 bản án phúc thẩm hủy 02 bản án sơ thẩm) do ông Q, bà Thanh T bỏ đi khỏi nơi cư trú, thay đổi địa chỉ nhưng không cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền biết. Đối chiếu với quy định tại Điều 153, 145 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn; do đó, yêu cầu áp dụng thời hiệu với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết của ông Q, bà Thanh T là không có căn cứ chấp nhận.

[4.] Quá trình tố tụng, từ năm 2012 đến nay ông Q, bà Thanh T cố ý vắng mặt, không có thiện chí để thực hiện nghĩa vụ trong các hợp đồng đã ký với Ngân hàng; không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ ba (theo Bản án số 16/2021/KDTM-ST ngày 04/11/2021) ông Q và

bà Thanh T tiếp tục kháng cáo và trình bày Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Q, bà Thanh T tham gia giải quyết vụ án.

Điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung";*

Khoản 1, 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định:

"1. Trường hợp trong đơn khởi kiện người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết này thì Tòa án phải nhận đơn khởi kiện và xem xét thụ lý vụ án theo thủ tục chung.

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan";

Tòa án cấp sơ thẩm xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng tại các địa chỉ của Công ty B và của ông Q, bà Thanh T ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản là đúng quy định trên; nhưng có thiếu sót là không Thông báo công khai như quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B và của ông Q, bà Thanh T. Bởi lẽ, ông Q và bà Thanh T vẫn biết Tòa án xét xử vụ án; kháng cáo trong hạn luật định và gửi nhiều đơn lên

Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu hòa giải, yêu cầu được trả tiền gốc, xin tiền lãi; tại biên bản hòa giải ngày 22/4/2022 ông Q, bà Thanh T yêu cầu được trả số tiền gốc 2.950.000.000 đồng, xin nguyên đơn miễn số tiền lãi trong hạn là 3.215.000.000 đồng và lãi quá hạn 1.569.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý. Nay, ông Q, bà Thanh T tiếp tục nại ra không ký các hợp đồng tín dụng, yêu cầu giám định chữ ký nhưng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ gì mới; do đó, yêu cầu của ông Q, bà Thanh T là không có căn cứ chấp nhận.

[5.] Bản án sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, tuyên buộc Công ty B phải trả nợ gốc + lãi cho nguyên đơn; trường hợp trả nợ không đủ hoặc không trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú Q.

Đề nghị của Viện Kiểm sát là phù hợp.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 148, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

- Điều 342, Điều 343, Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú Q; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2021/KDTM-ST ngày 04/11/2021 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty B.

1.2. Buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền tạm tính đến ngày 04/11/2021 là 7.734.404.778 đồng (bảy tỷ bảy trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm linh bốn nghìn bảy trăm bảy mươi tám; trong đó nợ gốc 2.950.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.215.305.611 đồng và lãi quá hạn 1.569.099.167 đồng).

Kể từ ngày 05/11/2021 cho đến khi trả hết số tiền trên, Công ty B còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1007-LAV-200901642 ngày 13/11/2009; các biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng C và Công ty B cho đến khi Công ty B trả hết nợ.

1.3. Trường hợp Công ty B không thanh toán, thanh toán không đầy đủ số tiền nợ trên thì Công ty A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp, gồm:

- Nhà, đất thuộc tại địa chỉ số Y, Nguyễn Thái H, phường Nguyễn V, thành phố Q, tỉnh Bình Định do Ủy ban nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định cấp cho ông Huỳnh Phú Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00740 ngày 18/3/2009 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2009/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13 và 16/11/2009 tại Phòng Công chứng , Thành phố H; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/11/2009 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Nhà, đất thuộc thửa 38, tờ bản đồ 10 tại địa chỉ số Z đường số 38, khu phố 8, phường H, quận (nay là thành phố) Đ, Thành phố H đứng tên ông Huỳnh Phú Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2010/EIB-HB/PGDĐK/TCTS ngày 13/9/2010 tại Thành phố H; Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/9/2010 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận nay là thành phố) Đ, Thành phố H.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả hết số tiền nợ thì Công ty B còn phải có nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn lại cho Công ty A.

Công ty A có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Phú Q, bà Lê Thị Thanh T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00740 ngày 18/3/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định cấp cho ông Huỳnh Phú Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00599 do Ủy ban nhân dân quận (nay là thành phố) Đ, Thành phố H cấp cho ông Huỳnh Phú Q sau khi Công ty B trả xong toàn bộ số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Án phí kinh doanh, thương mại:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Công ty B phải chịu 115.734.405 đồng (một trăm mười lăm triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm linh năm đồng).

Công ty A không phải chịu, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.676.303 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm linh ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018010 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

2 2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Ông Huỳnh Phú Q phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001820 ngày 26/11/2021 và số 0002144 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa KT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Đa